

Số: 1792/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 23 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (tỷ lệ 1/2000) giai đoạn 2015-:-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Theo Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (tỷ lệ 1/2000) giai đoạn 2015-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 260/TTr-SXD ngày 16 tháng 7 năm 2021 và Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Yên Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (tỷ lệ 1/2000) giai đoạn 2015-:-2025 với những nội dung như sau:

1. Quy mô, ranh giới điều chỉnh cục bộ quy hoạch

- Vị trí điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

+ Phía Bắc giáp Chợ trung tâm, trục đường Quốc lộ 6 đoạn chạy qua.

+ Phía Nam giáp Suối Vạt.

+ Phía Đông giáp trục đường 20/11 đi xã Chiềng Khoi.

+ Phía Tây giáp Suối Vạt.

- Quy mô diện tích khu vực điều chỉnh cục bộ là 33,985 ha.

2. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất

- Điều chỉnh bổ sung đất công cộng, đất thương mại dịch vụ, đất ở, đất cơ quan, đất cây xanh mặt nước và đất hạ tầng kỹ thuật.

- Biểu tổng hợp cơ cấu sử dụng đất trước và sau điều chỉnh.

TT	Chức năng	Quy hoạch chung đã phê duyệt		Phương án điều chỉnh		Chênh lệch
		Diện tích	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	Tăng/ (giảm)
		(m ²)	(%)	(m ²)	(%)	
1	Đất công cộng	16.406	4,88	33.408	9,83	17.002
2	Đất cơ quan	7.694	2,29	3.689	1,09	-4.005
3.	Đất thương mại dịch vụ	6.116	1,82	996	0,29	-5.120
4.	Đất ở	142.521	42,37	138.252	40,68	-54.269
5.	Đất cây xanh, mặt nước	61.904	18,40	39.462	11,61	-22.422
6.	Đất giao thông	101.709	30,24	124.043	36,50	22.334
7.	Đất điều chỉnh mở rộng	-	-	3.500		3.500
	Tổng	336.350		339.850	100,0	3.500

3. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch giao thông

3.1. Điều chỉnh bỏ tuyến giao thông đã được phê duyệt nút T1-T2 có Bn=9,5m (Bm=5,5m, Bh=2x2m). Điều chỉnh tọa độ nút giao thông T1.

3.2. Điều chỉnh dịch chuyển tọa độ nút giao thông N137, N100*, đồng thời điều chỉnh quy mô mặt cắt ngang đoạn tuyến N11*-N137-N100* từ Bn = 13m (Bm = 7m, B h= 3 x 2m) lên Bn = 16,5m (Bm = 10,5m, Bh = 3,0 x 2m), mặt cắt 2-2.

3.3. Điều chỉnh dịch chuyển tọa độ nút giao thông N99*, đoạn tuyến từ nút giao thông N13-N99* giữ nguyên quy mô mặt cắt ngang Bn=11,5m (Bm=7,5m, Bh=2x2m), mặt cắt 4 - 4.

3.4. Điều chỉnh dịch chuyển tuyến và tọa độ nút giao thông N100*-T3-T5-T4; điều chỉnh quy mô mặt cắt ngang tuyến từ Bn=11,5m (Bm=7,5m, Bh=2x2m) lên Bn=14m (Bm=7,5m, Bh=3,25x2m), mặt cắt 2-2.

3.5. Điều chỉnh quy mô mặt cắt đoạn tuyến giao thông N99*-T3 từ $B_n=11,5m$ ($B_m=7,5m$, $B_h=2x2m$) lên thành $B_n=14m$ ($B_m=7,5m$, $B_h=3,25x2m$), mặt cắt 2-2

3.6. Điều chỉnh dịch chuyển tuyến và tọa độ nút giao thông N95*-T6-T7-N98*-T8-T9; điều chỉnh quy mô mặt cắt đường từ $B_n=15m$ ($B_m=9m$, $B_h=3x2m$) lên $B_n=25m$ ($B_m=15m$, $B_h=5x2m$), mặt cắt 1-1.

3.7. Điều chỉnh tọa độ các nút giao thông N94, N93*, N92, N139; giữ nguyên quy mô mặt cắt ngang tuyến $B_n=16,5m$ ($B_m=10,5m$, $B_h=3x2m$), mặt cắt 6-6.

3.8. Điều chỉnh tọa độ nút giao thông T10, bổ sung nút giao thông T12, T14. Bổ sung tuyến giao thông T10-N92-T12-T14-N89 có quy mô $B_n=14m$ ($B_m=7,5m$, $B_h=3,25x2m$), mặt cắt 2-2.

3.9. Điều chỉnh đoạn tuyến giao thông và tọa độ nút giao thông từ N139-T11 đầu nối với đường giao thông hiện trạng. Điều chỉnh quy mô mặt cắt từ $B_n=11,5m$ ($B_m=7,5m$, $B_h=2x2m$) lên $B_n=16,5m$ ($B_m=10,5m$, $B_h=3x2m$), mặt cắt 6-6.

3.10. Điều chỉnh tọa độ nút đoạn tuyến giao thông T1-T4-N98*-N92 thành tuyến T1-T4-N98*-N96*-N139; điều chỉnh quy mô mặt cắt tuyến từ $B_n=16,5m$ ($B_m=10,5m$, $B_h=3x2m$) lên $B_n=25m$ ($B_m=15m$, $B_h=5x2m$).

3.11. Điều chỉnh tọa độ nút N138 sang khu đất mở rộng, để phù hợp với phương án cầu treo.

3.12. Điều chỉnh đoạn tuyến và tọa độ nút giao thông N140-N141.

3.13. Điều chỉnh bỏ tuyến giao thông đoạn từ nút N96*-N97*-T9.

3.14. Điều chỉnh quy mô mặt cắt các đoạn tuyến T6-N93*, T7-N92 từ $B_n = 13m$ ($B_m = 7m$, $B_h = 3x2m$) lên $B_n = 14m$ ($B_m = 7,5m$, $B_h = 3,25x2m$), mặt cắt 2-2.

3.15. Điều chỉnh bỏ đoạn tuyến từ nút N92-N91-N90*.

3.16. Điều chỉnh tọa độ nút giao thông N91, N97* và bổ sung nút giao thông T13, T15 để bổ sung các tuyến giao thông T8-T12, T13-T14-N91, T9-N97*-T15 có quy mô $B_n=14m$ ($B_m=7,5m$, $B_h=3,25x2m$), mặt cắt 2-2.

3.17. Điều chỉnh tọa độ nút giao thông N138, điều chỉnh quy mô đoạn tuyến giao thông N138-N140-N142 từ $B_n=9,5m$ ($B_m=5,5m$, $B_h=2x2m$) lên $B_n=16,5m$ ($B_m=10,5m$, $B_h=3x2m$), mặt cắt 1-1.

4. Các nội dung khác: Ngoài nội dung điều chỉnh quy hoạch như trên, các nội dung khác giữ nguyên theo quy hoạch đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 13/02/2018.

(Chi tiết có bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện Yên Châu:

1.1. Cập nhật các nội dung điều chỉnh trên vào hồ sơ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu tỷ lệ 1/2000 giai đoạn 2015-:-2025.

1.2. Tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch nêu trên theo quy định tại khoản 10, khoản 12 Điều 29 Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến Luật Quy hoạch sau khi có quyết định phê duyệt điều chỉnh của UBND tỉnh.

2. Sở Xây dựng

2.1. Hướng dẫn UBND huyện Yên Châu thực hiện việc cập nhật, thống nhất các nội dung điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt tại Quyết định này; lưu, quản lý hồ sơ quy hoạch; theo dõi, quản lý quy hoạch theo quy định.

2.2. Chịu trách nhiệm về nội dung, tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin số liệu thẩm định, trình phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND huyện Yên Châu; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Huyện ủy Yên Châu;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Quý-3b). 25b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh